

BÀI 3

CHỌN LỰA KHÔN NGOAN



Như con đã biết.

Bác sĩ Quỳnh, anh của bạn thân con, đã bắt đầu học tiếng Việt ở đại học *cộng đồng* hai tuần nay.

Hôm bác sĩ Quỳnh đến nhà ta chơi, mẹ có hỏi lý do nào *thúc đẩy* anh ta học tiếng Việt. Anh ta thành thật, *thẳng thắn*, tâm sự với mẹ là, nếu muốn tìm hiểu phong tục, tập quán, văn minh, văn hoá Việt Nam thì phải đọc, nói được tiếng Việt trôi chảy.

Con thấy đấy, đó là một trong nhiều lý do, mà mẹ muốn nhắc nhở con, nên cố gắng học tiếng Việt càng sớm càng tốt.

Ngọc-Lan

Từ và nghĩa:

- Anh hùng:** Người tài giỏi hơn người. Người làm được việc lớn.
- Thúc đẩy:** Kích thích, tạo điều kiện cho phát triển mạnh lên.
- Thẳng thắn:** Ngay thẳng, không quanh co, không né tránh.
- Cộng đồng:** Cùng chung, tụ họp lại thành đoàn thể.

Ngữ pháp:

- Ôn : Chủ Ngữ, (29)
- Vị Ngữ, (30)

Yêu cầu: Hiểu rõ ràng 2 phần của câu : *Chủ ngữ; Vị ngữ.*



Ca dao :

*Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.*

II. ÔN THỰC TẬP CÁC CHỦ ĐỀ NGỮ PHÁP

(Các lớp : 1, 2, 3, 4 & 5)

A. Câu mẫu:

(In đậm đúng = Chủ ngữ. In nghiêng = Vị ngữ)

Bác sĩ Quỳnh *học tiếng Việt.*

Anh ta tìm hiểu phong tục, tập quán Việt Nam.

Bạn thân của con *học tiếng Việt ở đại học.*

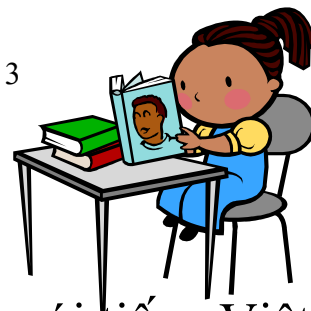
Mẹ nhắc nhở con.. ..



Chúng ta tìm hiểu phong tục tập quán của người Việt Nam.

B. Thực tập (Thêm chủ ngữ hoặc vị ngữ vào trong câu)

1. Học sinh.. _____
2. _____ chào chúng em.
3. Loan _____
4. _____ học tiếng Việt.



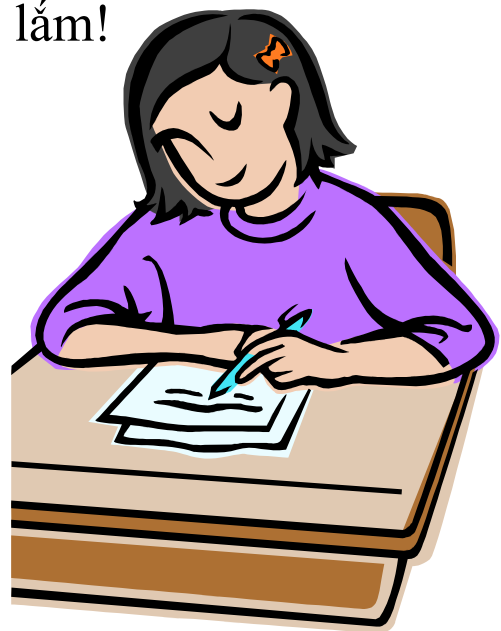
III. BÀI ĐỌC

1. Cô ta là người Việt mà chẳng biết nói tiếng Việt!
2. Bác sĩ Thi đông khách vì ông ta nói được tiếng Việt.
3. Luật sư Hùng đang học tiếng Việt đấy bạn ạ!
4. Bà Tuyết được việc làm vì bà ta biết 2 thứ tiếng.
5. Không nói được tiếng Việt nên ông ta ít khách.

6. Bạn có nói tiếng Việt ở nhà không?
7. Cả nhà tôi đều nói tiếng Việt.
8. Thảo nào, bạn nói giỏi quá!
9. Anh em tôi ít khi nói tiếng Việt.
10. Vì thế bạn nói nghe buồn cười lắm!

Câu ít từ, câu nhiều từ:

1. Tiếng Việt.
2. *Học* tiếng Việt.
3. *Cần* học tiếng Việt.
4. *Em* cần học tiếng Việt.
5. *Chúng* em cần học tiếng Việt.
6. Chúng em cần *chăm chỉ* học tiếng Việt.
7. Chúng em cần *chăm chỉ, chuyên cần* học tiếng Việt.





IV. BÀI TẬP

I. Hãy phân biệt các thành phần: Chủ ngữ, vị ngữ.

vđ: Anh của bạn thân con đã bắt đầu học tiếng Việt.

Chủ ngữ (cn) : Anh của bạn thân con.

Vị ngữ (vn) : Đã bắt đầu học tiếng Việt.

1- Anh ta tâm sự với mẹ.

C.n. _____ V.n. _____

2- Cô giáo và học sinh cùng hát vui vẻ.

C.n. _____ V.n. _____

3- Chị Hoa đọc thật rõ ràng.

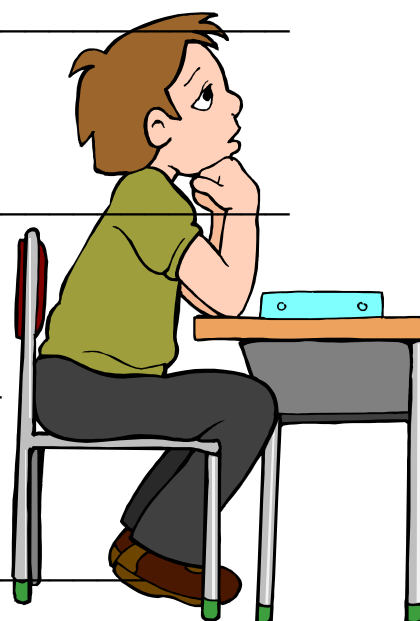
C.n. _____ V.n. _____

4- Con phải cố gắng học tiếng Việt.

C.n. _____ V.n. _____

5- Bạn và tôi, chúng ta cùng đi học.

C.n. _____ V.n. _____



II. Hiểu bài.

a. Bác sĩ Quỳnh đã bắt đầu làm gì?

b. Bác sĩ Quỳnh học tiếng Việt để làm gì?
